TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thoại Lượng.

Bà Châu Thị Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Kim H1, sinh ngày 29/10/1981.

Nơi cư trú: Số C, T, phường S, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094181015395.

- *Bị đơn:* Anh Võ Minh T, sinh ngày 19/9/1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094083003104.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị Kim H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Kim H1 và anh Võ Minh T tự chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 2023, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không hòa hợp với nhau nên không thể hòa giải hay hàn gắn với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H1 và anh Võ Minh T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung như vợ chồng, chị H1 và anh T có một người con chung tên Lương Thiên M, sinh ngày 06/4/2021, hiện cháu cháu M đang sống chung với chị H1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Lương Thị Kim H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Kim H1 yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh T.

- Về con chung: Chị H1 yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Lương Thiên M đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 86/TB-TLVA ngày 03 tháng 10 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Võ Minh T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do và chị H1 có yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa chị Lương Thị Kim H1 và anh Võ Minh T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị H1 và anh T có 01 con chung tên Lương Thiên M, sinh ngày 06/4/2021, từ khi sinh ra đến nay đều do chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và hiện nay cháu M đang sống chung với chị H1. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị H1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị H1 có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Lương Thị Kim H1 khởi kiện thì anh Võ Minh T cư trú tại ấp A, xã H, thành phố Cần Thơ. Chị H1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung. Do chị H1 và anh T không có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ pháp luật về yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Chị H1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn và thông báo cho chị H1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị H1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của chị Lương Thị Kim H1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Lương Thị Kim H1 và bị đơn anh Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Lương Thị Kim H1 và anh Võ Minh T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Kim H1, sinh ngày 29/10/1981 và anh Võ Minh T, sinh ngày 19/9/1983 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011, nhưng chị H1 và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, anh, chị bất đồng quan điểm sống nên không còn sống chung với nhau cho

đến nay. Do tình cảm không còn nên chị H1 đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, thì quan hệ giữa chị H1 và anh T không phải là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị H1 và anh T có một con chung tên Lương Thiên M, sinh ngày 06/4/2021, chị H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra đến nay cháu M đều do chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và để cho cháu M ổn định cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Võ Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H1.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Lương Thị Kim H1 là người có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân

tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị Kim H1 và anh Võ Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thiên M, sinh ngày 06/4/2021 cho chị Lương Thị Kim H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Lương Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003903 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Lương Thị Kim H1 đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn